CTCP Khu công nghiệp Hiệp Phước (UPCOM: HPI)

FireAnt

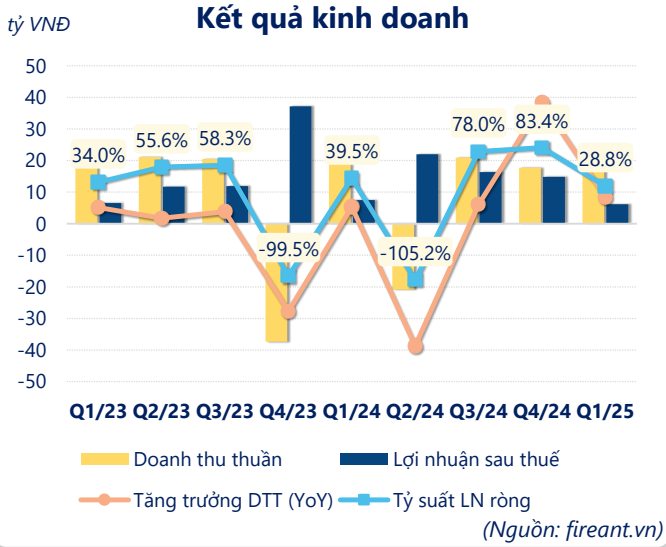
Ngày 31/03/2025	20,500 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	-10.9%	12.6%	37.6%

ROE 2024: 16.8% | +/- YoY: ▼ 3.8%

	Q1/25	QoQ	YoY
DT thuần	21.4 tỷ VNĐ	▲ 3.60 ▲ 20.5%	▲ 2.50 ▲ 13.4%
LN gộp	8.54 tỷ VNĐ	▼ 8.46 ▼ 49.8%	▲ 4.83 ▲ 130%
LN thuần	9.53 tỷ VNĐ	▼ 3.77 ▼ 28.3%	▲ 2.08 ▲ 27.9%
LN sau thuế	6.17 tỷ VNĐ	▼ 8.63 ▼ 58.3%	▼ 1.31 ▼ 17.5%

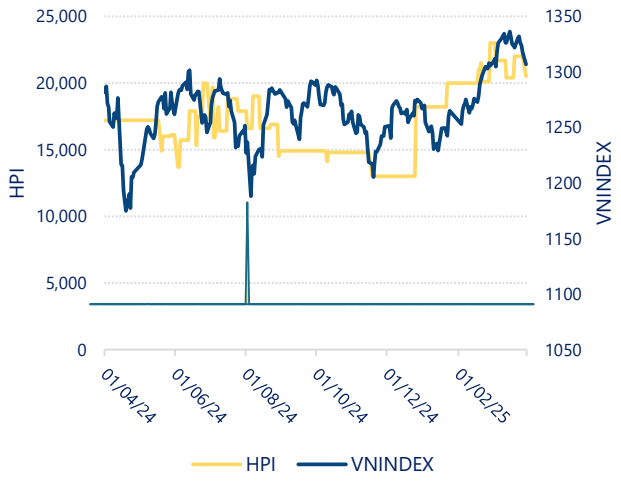
	2024	YoY
DT thuần	33.2 tỷ VNĐ	▲ 10.5 ▲ 46.7%
LN gộp	57.8 tỷ VNĐ	▲ 69.8 ▲ 582%
LN thuần	62.3 tỷ VNĐ	▼ 2.90 ▼ 4.4%
LN sau thuế	66.2 tỷ VNĐ	▼ 1.30 ▼ 1.9%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

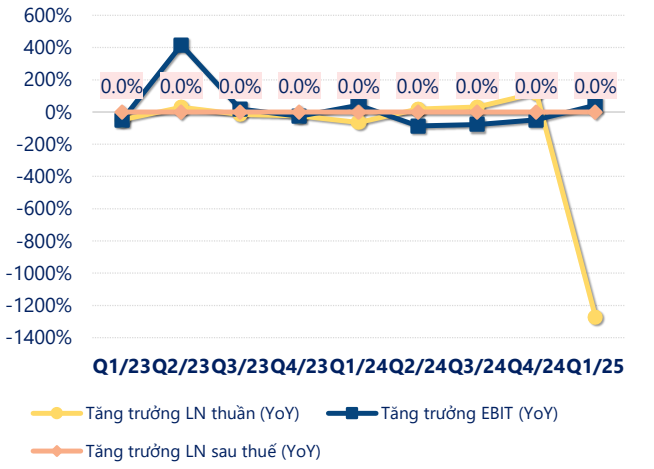
Lịch sử giá



CTCP Khu công nghiệp Hiệp Phước (UPCOM: HPI)

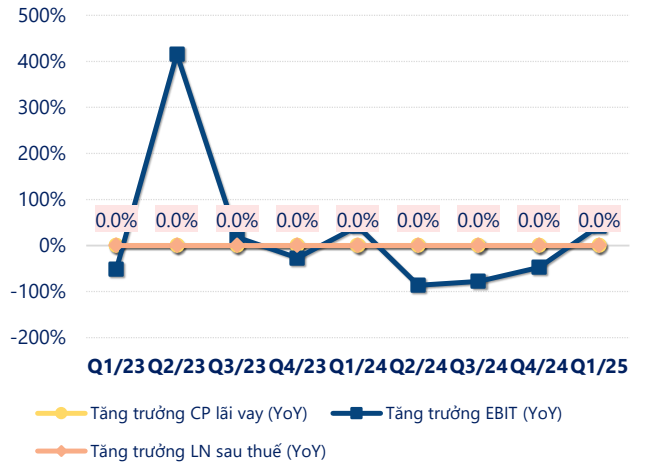
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



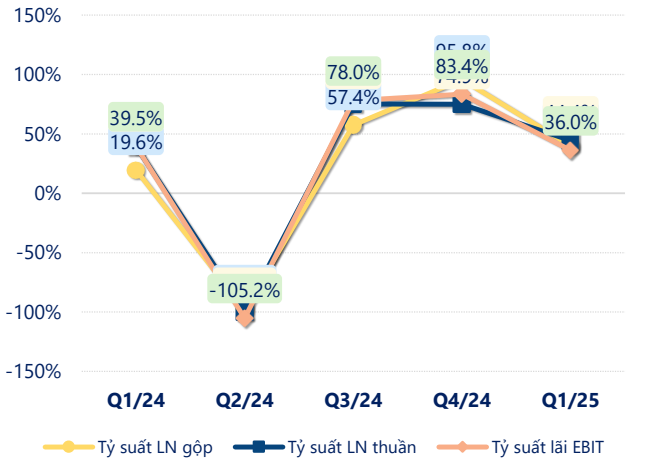
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



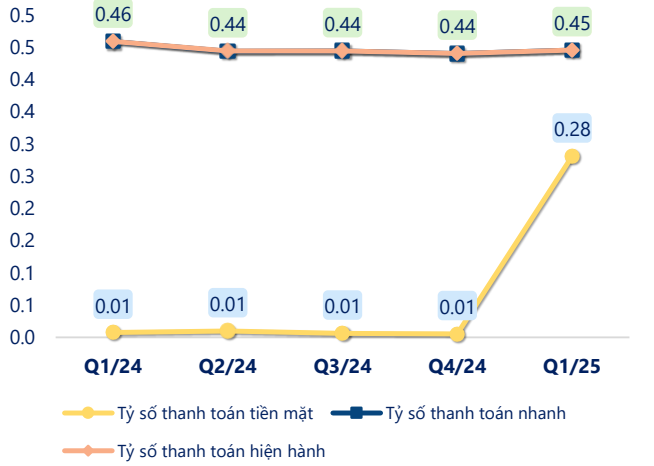
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



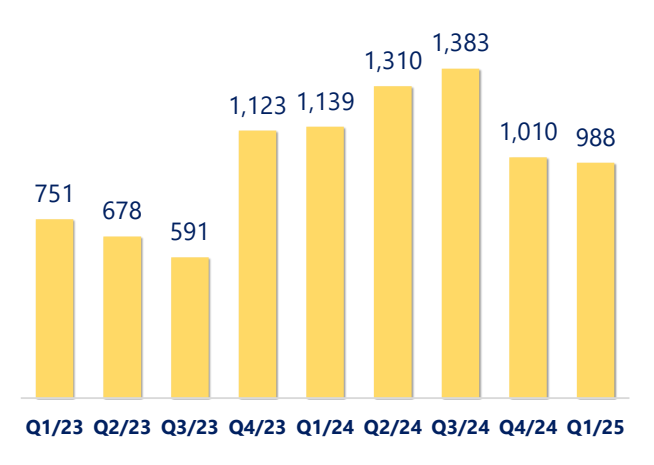
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

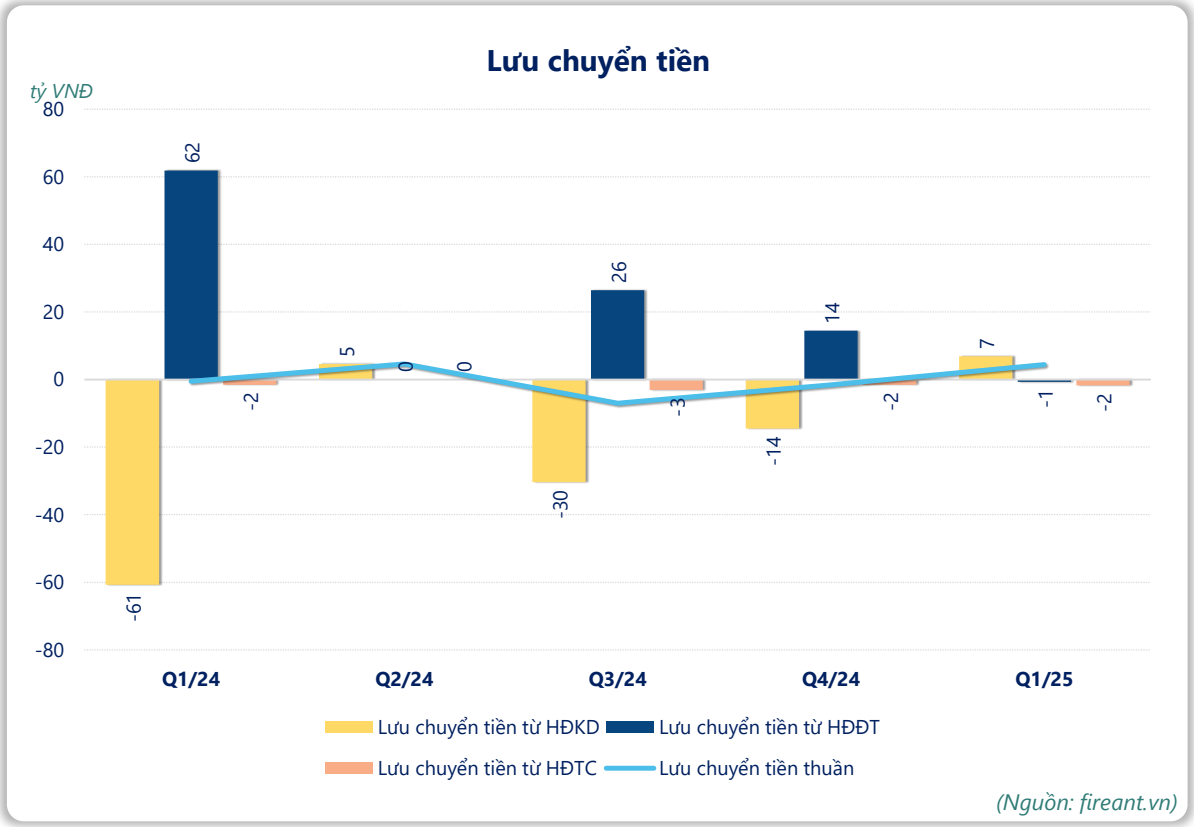


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Khu công nghiệp Hiệp Phước (UPCOM: HPI)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**21.4**	**18.9**	**13.4%**	**33.2**	**22.7**	**46.7%**
Giá vốn hàng bán	12.9	15.2	-15.1%	-24.5	34.6	-171%
Lợi nhuận gộp	8.54	3.71	130%	57.8	-12.0	582%
Doanh thu HĐTC	6.50	10.5	-38.1%	32.6	111	-70.5%
Chi phí TC	0	0.00		0	-0.03	100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.03	0.99	3.7%	3.09	2.95	4.6%
Chi phí QLDN	**4.49**	**5.79**	**-22.5%**	**25.0**	**30.6**	**-18.5%**
LN thuần từ HĐKD	9.53	7.45	27.9%	62.3	65.2	-4.4%
Lợi nhuận khác	**-1.82**	**0.03**	**-6154%**	**3.86**	**2.26**	**70.4%**
LN trước thuế	7.71	7.48	3.1%	66.2	67.5	-1.9%
Lợi nhuận sau thuế	**6.17**	**7.48**	**-17.5%**	**66.2**	**67.5**	**-1.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.17**	**7.48**	**-17.5%**	**66.2**	**67.5**	**-1.9%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)